



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 34

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2023 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 28.39540600
- Fax: (84) 28.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đào tạo sơ cấp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất điện;
- Truyền tải và phân phối điện.

Nhân sự

Tổng số nhân viên đến cuối niên độ kế toán là 5 người. Trong đó nhân viên quản lý là 1 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong niên độ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|-------------------|--|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Tuyết | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 16/05/2022
Miễn nhiệm ngày 04/05/2023 |
| • Bà Đào Thị Thanh Ban | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 04/05/2023 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Trọng Vinh

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 188/2024/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 05/03/2024 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2023 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 05 tháng 03 năm 2024

A blue ink signature of Đinh Ngọc Hồng Hạnh.

Đinh Ngọc Hồng Hạnh – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4452-2023-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.595.212.984	14.137.775.468
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	475.431.721	2.737.577.761
1. Tiền	111		475.431.721	2.737.577.761
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.162.605.733	1.006.973.250
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	2.342.446.821	2.211.196.821
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(1.179.841.088)	(1.204.223.571)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.436.873.250	6.508.149.221
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.825.330.427	3.333.256.294
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	62.307.700	62.307.700
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	2.450.000.000	4.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	498.998.655	587.285.309
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.399.763.532)	(1.474.700.082)
IV. Hàng tồn kho	140	12	3.081.614.608	3.876.928.224
1. Hàng tồn kho	141		3.482.152.992	3.991.608.462
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(400.538.384)	(114.680.238)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		438.687.672	8.147.012
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	-	174.657
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	438.687.672	7.972.355
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.918.309.908	40.544.832.008
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.740.100.874	9.371.956.308
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.271.944.002	2.903.799.436
- Nguyên giá	222		4.834.809.472	5.639.136.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.562.865.470)	(2.735.337.252)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.468.156.872	6.468.156.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.b	31.172.875.700	31.172.875.700
1. Đầu tư vào công ty con	251		26.172.875.700	26.172.875.700
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.333.334	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	5.333.334	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		48.513.522.892	54.682.607.476

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.502.613.884	4.669.084.369
I. Nợ ngắn hạn	310		2.460.613.884	4.669.084.369
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.936.751.826	3.417.856.704
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	6.825.822	23.213.155
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	133.997.019	633.860.787
4. Phải trả người lao động	314		50.275.438	111.784.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	314.481.000	337.725.825
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	18.282.779	144.643.898
II. Nợ dài hạn	330		42.000.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	42.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.010.909.008	50.013.523.107
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	46.010.909.008	50.013.523.107
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	2.227.438.218	2.227.438.218
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	851.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	2.241.709.774	2.201.323.873
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.201.323.873	2.016.951.898
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.385.901	184.371.975
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		48.513.522.892	54.682.607.476

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Ngô Trọng Vinh

Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	2.664.631.330	10.402.801.765
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	8.187.510	15.028.063
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		2.656.443.820	10.387.773.702
4. Giá vốn hàng bán	11	24	2.558.672.612	10.659.709.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		97.771.208	(271.936.000)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.275.573.720	4.318.647.954
7. Chi phí tài chính	22	26	(24.382.483)	1.156.480.285
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	27.123.288
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	292.972.578	499.911.108
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	1.224.306.222	1.787.446.779
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(119.551.389)	602.873.782
11. Thu nhập khác	31	28	164.608.515	120.199.377
12. Chi phí khác	32	29	4.671.225	538.701.184
13. Lợi nhuận khác	40		159.937.290	(418.501.807)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.385.901	184.371.975
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		40.385.901	184.371.975
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		10	33
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		10	33

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Ngô Trọng Vinh

Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.385.901	184.371.975
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	191.792.744	263.642.712
- Các khoản dự phòng	03	186.539.113	1.468.460.749
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.428.420.121)	(3.708.824.889)
- Chi phí lãi vay	06	-	27.123.288
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.009.702.363)	(1.765.226.165)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.407.614.580	6.400.441.087
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	509.455.470	8.651.257.450
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.932.650.187)	(12.713.799.662)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.158.677)	13.124.086
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(131.250.000)	2.018.314.195
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(27.123.288)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(568.705.174)	(80.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.730.396.351)	2.496.487.703
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	592.909.091	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.350.000.000)	(4.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	2.900.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.658.670.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.400.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.368.103.720	2.633.644.889
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.511.012.811	(1.625.025.111)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(1.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.042.762.500)	(4.039.612.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.042.762.500)	(5.039.612.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.262.146.040)	(4.168.149.908)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.737.577.761	6.905.727.669
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	475.431.721	2.737.577.761

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Ngô Trọng Vinh

Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đào tạo sơ cấp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất điện;
- Truyền tải và phân phối điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 2 công ty con và 2 công ty liên kết:

- Các công ty con
 - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long
Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 80,99%
 - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai
Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 55,99%
- Các công ty liên kết:
 - ✓ Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam
Địa chỉ: Nhà D tầng 2, khu văn phòng Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện.
Tỷ lệ sở hữu: 25%
 - ✓ Công ty CP Đầu tư Giáo dục Lê Thanh. Đây là doanh nghiệp do Công ty con (Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long) sở hữu 49% vốn góp.
Địa chỉ: Lầu 1, số 64 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các công ty con. Theo các quy định hiện hành, cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mối quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản đầu tư tài chính và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản vay và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	4.422.350	161.522.081
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	471.009.371	2.576.055.680
Cộng	475.431.721	2.737.577.761

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	2.342.446.821	1.162.635.156	1.179.841.088	2.211.196.821	1.006.973.250	1.204.223.571
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.577	125.000	-	95.578	93.000	2.578
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	7.800.000	28.565.340	36.365.340	8.400.000	27.965.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	420.480.000	572.381.234	992.861.234	420.480.000	572.381.234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	516.670	516.670	-	516.670	500.250	16.420
+ Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC)	1.312.608.000	733.713.486	578.894.514	1.181.358.000	577.500.000	603.858.000
Cộng	2.342.446.821	1.162.635.156	1.179.841.088	2.211.196.821	1.006.973.250	1.204.223.571

Biến động trong năm

	Tăng trong năm		Giảm trong năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	9.375	131.250.000	-	-
+ Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam (VLC)	9.375	131.250.000	-	-
Cộng	9.375	131.250.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023						01/01/2023			
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con					26.172.875.700	-			26.172.875.700	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai	Đang hoạt động	55,99%	55,99%	925.300	11.445.035.700	-	55,99%	55,99%	11.445.035.700	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	Đang hoạt động	80,99%	80,99%	1.376.907	14.727.840.000	-	80,99%	80,99%	14.727.840.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết					5.000.000.000	-			5.000.000.000	-
- Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Đang hoạt động	25%	25%	500.000	5.000.000.000	-	25%	25%	5.000.000.000	-
Cộng					31.172.875.700	-			31.172.875.700	-

Cổ phiếu của các Công ty nhận đầu tư đều chưa được niêm yết và Công ty cũng không có được dữ liệu đáng tin cậy nào về thị giá của các khoản đầu tư nêu trên. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Báo cáo tài chính năm 2023 cho thấy các Công ty nhận đầu tư này không có lỗ lũy kế nên Công ty không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Sách - Thiết bị Giáo dục Đức Trí	-	350.693.527
Công ty TNHH Thiết bị & Đo đạc Chu Lê	551.406.522	551.406.522
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông	390.236.848	390.236.848
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Phú Yên	-	220.733.346
Văn phòng phẩm Phương Vy	278.439.980	278.439.980
Đối tượng khác	605.247.077	1.541.746.071
Cộng	1.825.330.427	3.333.256.294

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Phương Đông	36.511.182	36.511.182
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP Hồ Chí Minh (bên liên quan)	17.719.518	17.719.518
Các đối tượng khác	8.077.000	8.077.000
Cộng	62.307.700	62.307.700

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan)	2.450.000.000	4.000.000.000
Cộng	2.450.000.000	4.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cổ tức phải thu (bên liên quan)	462.650.000	-	555.180.000	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai (bên liên quan)	462.650.000	-	555.180.000	-
Tạm ứng	33.179.215	-	30.185.869	-
Phải thu khác	3.169.440	-	1.919.440	-
Cộng	498.998.655	-	587.285.309	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
+ Trên 3 năm	1.126.597.738	1.173.983.128
+ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	273.165.794	273.165.794
+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	27.551.160
Cộng	1.399.763.532	1.474.700.082

12. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.484.364	-	22.484.364	-
Chi phí SX, KD dở dang	190.533.118	-	190.533.118	-
Thành phẩm	1.782.526.678	196.838.646	2.547.105.262	114.680.238
Hàng hóa	1.486.608.832	203.699.738	1.231.485.718	-
Cộng	3.482.152.992	400.538.384	3.991.608.462	114.680.238

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2023 là 1.602.153.511 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	-	174.657
Cộng	-	174.657

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chữ ký số dài hạn	5.333.334	-
Cộng	5.333.334	-

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.531.966.825	258.654.620	1.690.810.755	157.704.488	5.639.136.688
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán			646.622.728	157.704.488	804.327.216
Số cuối năm	3.531.966.825	258.654.620	1.044.188.027	-	4.834.809.472
Khấu hao					
Số đầu năm	1.242.851.758	119.956.428	1.214.824.578	157.704.488	2.735.337.252
Khấu hao trong năm	127.173.272	28.695.986	35.923.487	-	191.792.744
Giảm trong năm	-	-	206.560.038	157.704.488	364.264.526
Số cuối năm	1.370.025.030	148.652.414	1.044.188.027	-	2.562.865.470
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.289.115.067	138.698.192	475.986.177	-	2.903.799.436
Số cuối năm	2.161.941.795	110.002.206	-	-	2.271.944.002

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 1.454.605.684 đồng.
- Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay tại ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Số cuối năm	6.468.156.872	6.468.156.872

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m².

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM	674.109.743	674.109.743
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	-	1.081.364.837
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	477.435.915	802.764.915
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	198.407.200	144.419.000
Các đối tượng khác	586.798.968	715.198.209
Cộng	1.936.751.826	3.417.856.704

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	-	1.081.364.837
Cộng	-	1.081.364.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục An Phú Hưng	3.000.000	3.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thái Bình Lâm Đồng	2.938.950	2.938.950
Nhà Sách Nghiệp (Bến Tre)	184.782	8.864.782
Các đối tượng khác	702.090	8.409.423
Cộng	6.825.822	23.213.155

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế GTGT	7.972.355	-	64.663.031	160.730.972	104.040.296	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.003.874	213.186.357	82.193.212	-	133.997.019
Thuế TNDN	-	234.057.798	-	568.705.174	334.647.376	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí và lệ phí	-	396.799.115	3.898.960	400.698.075	-	-
Cộng	7.972.355	633.860.787	284.748.348	1.215.327.433	438.687.672	133.997.019

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí bản thảo, biên tập	249.481.000	249.481.000
Chi phí hoa hồng môi giới	-	23.244.825
Chi phí khác	65.000.000	65.000.000
Cộng	314.481.000	337.725.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	3.765.091	2.882.091
Cổ tức phải trả	5.828.500	5.591.000
Thù lao trả cho HĐQT	-	134.000.000
Phải trả khác	8.689.188	2.170.807
Cộng	18.282.779	144.643.898

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	42.000.000	-
Cộng	42.000.000	-

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	6.059.951.898	53.872.151.132
Tăng trong năm	-	-	-	-	184.371.975	184.371.975
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.043.000.000	4.043.000.000
Số dư tại 31/12/2022	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	2.201.323.873	50.013.523.107
Số dư tại 01/01/2023	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	2.201.323.873	50.013.523.107
Tăng trong năm	-	-	-	-	40.385.901	40.385.901
Giảm trong năm (*)	-	-	-	4.043.000.000	-	4.043.000.000
Số dư tại 31/12/2023	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	851.634.920	2.241.709.774	46.010.909.008

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10% theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2023 ngày 24/04/2023. Theo đó, cổ tức năm 2022 được chi trả từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và từ lợi nhuận còn lại. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức là 18/08/2023, ngày thực hiện chi trả là 28/09/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Các cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.201.323.873	6.059.951.898
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	40.385.901	184.371.975
Phân phối lợi nhuận	-	4.043.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	4.043.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	-	4.043.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	2.241.709.774	2.201.323.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	2.623.901.687	9.821.591.944
Doanh thu khác	40.729.643	581.209.821
Cộng	2.664.631.330	10.402.801.765

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
Hàng bán bị trả lại	8.187.510	15.028.063
Cộng	8.187.510	15.028.063

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	2.244.118.480	9.945.212.220
Giá vốn hoạt động khác	28.695.986	829.287.379
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	285.858.146	(114.789.897)
Cộng	2.558.672.612	10.659.709.702

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, cho vay	290.415.220	63.356.389
Cổ tức, lợi nhuận được chia	985.158.500	3.125.468.500
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh, khoản đầu tư	-	1.129.823.065
Cộng	1.275.573.720	4.318.647.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(24.382.483)	1.129.356.997
Chi phí lãi vay	-	27.123.288
Cộng	(24.382.483)	1.156.480.285

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền lương và các khoản trích theo lương	233.376.643	331.500.444
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	60.232.780	115.378.496
Chi phí phát triển thị trường	(11.723.019)	(296.539.414)
Các khoản khác	11.086.174	349.571.582
Cộng	292.972.578	499.911.108

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền lương và các khoản trích theo lương	900.613.315	534.797.115
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	3.648.328	82.282.773
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(74.936.550)	453.893.649
Các khoản khác	394.981.129	716.473.242
Cộng	1.224.306.222	1.787.446.779

28. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	152.846.401	120.000.000
Các khoản khác	11.762.114	199.377
Cộng	164.608.515	120.199.377

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	4.671.225	312.598.832
Các khoản khác	-	226.102.352
Cộng	4.671.225	538.701.184

30. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.385.901	184.371.975
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(978.161.481)	(2.422.840.241)
- Điều chỉnh tăng	71.997.019	702.628.259
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.325.794	325.029.427
+ Các khoản trích trước vào chi phí năm nay theo chế độ kế toán nhưng chưa được đưa vào chi phí tính thuế	65.000.000	65.000.000
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	4.671.225	312.598.832
- Điều chỉnh giảm	1.050.158.500	3.125.468.500
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	985.158.500	3.125.468.500
+ Các khoản trích trước vào chi phí năm trước theo chế độ kế toán nhưng chưa được đưa vào chi phí tính thuế	65.000.000	-
Tổng thu nhập tính thuế	(937.775.580)	(2.238.468.266)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân công	1.133.989.958	872.115.739
Chi phí khấu hao tài sản cố định	191.792.744	263.642.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.158.089	(98.878.145)
Chi phí khác bằng tiền	242.970.545	802.402.112
Cộng	1.620.911.336	1.839.282.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá và lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các đại lý, Sở giáo dục, trường học và một số Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học và các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.936.751.826	-	1.936.751.826
Chi phí phải trả	314.481.000	-	314.481.000
Phải trả khác	14.517.688	42.000.000	56.517.688
Cộng	2.265.750.514	42.000.000	2.307.750.514

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.417.856.704	-	3.417.856.704
Chi phí phải trả	337.725.825	-	337.725.825
Phải trả khác	141.761.807	-	141.761.807
Cộng	3.897.344.336	-	3.897.344.336

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	475.431.721	-	475.431.721
Đầu tư tài chính	1.162.605.733	-	1.162.605.733
Phải thu khách hàng	425.566.895	-	425.566.895
Phải thu về cho vay	2.450.000.000	-	2.450.000.000
Phải thu khác	465.819.440	-	465.819.440
Cộng	4.979.423.789	-	4.979.423.789

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.737.577.761	-	2.737.577.761
Đầu tư tài chính	1.006.973.250	-	1.006.973.250
Phải thu khách hàng	1.858.556.212	-	1.858.556.212
Phải thu về cho vay	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Phải thu khác	557.099.440	-	557.099.440
Cộng	10.160.206.663	-	10.160.206.663

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục") Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội Công ty CP Đầu tư CMC Công ty CP Điện nhẹ Viễn Thông	Công ty đầu tư Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư Công ty con Công ty con Chung nhà đầu tư Chung nhà đầu tư Chung thành viên quản lý chủ chốt Chung thành viên quản lý chủ chốt Chung thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính

Công ty liên quan	Năm 2023	Năm 2022
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam		
- Bán hàng	-	43.625.600
- Mua hàng	-	3.525.600
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai		
- Bán hàng	12.724.160	163.744.333
- Cổ tức được nhận	462.650.000	2.220.720.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam		
- Bán hàng	-	87.579.247
- Mua hàng	-	70.050.242
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội		
- Bán tài sản thanh lý	590.909.091	-
- Mua hàng	164.862.500	753.106.080
- Cổ tức được nhận	8.500	8.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long		
- Bán hàng	-	99.850.981
Công ty CP Đầu tư CMC		
- Lãi cho vay	288.143.835	-
- Cho vay	1.350.000.000	4.000.000.000
- Thu hồi cho vay	2.900.000.000	-
- Trả tiền vay vốn	-	1.000.000.000
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam		
- Cổ tức được nhận	500.000.000	500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao, lương thưởng của cấp quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	-	84.700.000
	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	290.976.700	299.179.491
Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên	Thù lao	-	11.000.000
Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	Thù lao	-	11.000.000
Ngô Anh Phương	Ủy viên	Thù lao	-	11.000.000
Lê Thị Tuyết Minh	Ủy viên	Thù lao	-	11.000.000
Nguyễn Ái Bình	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/01/2022)	Lương, thưởng	-	14.513.000
Mai Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11/05/2022)	Lương, thưởng	-	56.404.000
Nguyễn Thị Lan Phương	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 25/04/2022)	Lương, thưởng	-	78.238.000
Nguyễn Thị Tuyết	Kê toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 16/05/2022, miễn nhiệm ngày 04/05/2023)	Lương, thưởng	63.836.000	128.084.350
Đào Thị Thanh Ban	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 04/05/2023)	Lương, thưởng	-	-
Ngô Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	Thù lao	-	7.700.000
Nguyễn Thị Ánh Hồng	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	-	5.500.000
Đỗ Thị Phương Thảo	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	-	5.500.000

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 23/01/2024 thông qua về việc các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao trong năm 2023 do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 chưa đạt. Do đó, Công ty hoàn nhập thù lao đã trích trong 6 tháng đầu năm 2023.

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Ngô Trọng Vinh

Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024